

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2017/HSST**

Ngày: 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm:*

1. Bà **Nguyễn Thị Vân**, Hiệu trưởng Trường THCS Trừ Văn Thố;

2. Ông **Tôn Văn Hùng**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa có:* Ông **Nguyễn Văn Sanh**, là Kiểm sát viên.

Trong ngày **29** tháng **9** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Cù Minh T, sinh ngày 09/9/1999;

Nơi sinh: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Nơi ĐKKHTT: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Nghề nghiệp: không;

Trình độ văn hóa: lớp 7/12;

Cha: Cù Văn Bé T. Mẹ: Lê Thị U;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ ngày 15/6/2017 chuyển tạm giam ngày 21/6/2017, đến ngày 15/8/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông **Cù Văn Bé T**, sinh năm 1968. (cha ruột). Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Phước T**, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư P, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

* *Người bị hại:* Bà **Lê Thị U**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Cù Văn A**, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ ĐKTT: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ hiện nay: ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông **Trần Công V**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

3. Ông **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Cù Minh T bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Cù Minh T vay mượn của Nguyễn Bảo P số tiền 280.000.000 đồng để trả nợ đánh bạc thua tại Campuchia nhưng không có khả năng trả, nên P gợi ý cho T gọi điện thoại cho gia đình nói đánh bạc thua không tiền trả bị bắt tại Campuchia, yêu cầu gia đình đem tiền chuộc nếu không T sẽ bị giết.

Ngày 12/6/2017 T thuê phòng số 9 khách sạn Phương Nam tại ấp H, xã L, thị xã C để ở. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 13/6/2017 T dùng sim điện thoại số 0961788513 không đăng ký thông tin cá nhân, do T chuẩn bị mua trước đó điện thoại vào số 01639889539 của bà Lê Thị U (mẹ của T) nói T đã gà thua thiếu nợ bị bắt giữ tại Campuchia, kêu bà U đem tiền qua chuộc, nói xong T tắt máy rồi điện thoại cho Phục.

Để bà Lê Thị U tin lời T bị bắt giữ tại Campuchia, khoảng 17 giờ cùng ngày T cùng Nguyễn Bảo P thuê xe ô tô của anh Trần Công V để chở T và Phục qua cửa khẩu Bình Hiệp sang nước Campuchia điện thoại về cho bà U. Tại đây, T thuê một người Việt Nam không rõ họ, tên và địa chỉ đang chơi đánh bạc dùng sim số 0961788513 điện thoại cho bà U nói T đã gà thua số tiền 260.000.000 đồng, không có tiền trả nên yêu cầu đem tiền qua chuộc, nếu không sẽ xử T theo luật giang hồ và đưa điện thoại cho T xác nhận là T đang bị bắt tại Campuchia. Bà Lê Thị U lo sợ nên bàn với anh Cù Minh A thỏa thuận đưa tiền chuộc T. Đến khi Nguyễn Bảo P điện thoại yêu cầu đem tiền qua Campuchia để chuộc T thì anh A thỏa thuận chuyển tiền qua tài khoản. Tối ngày 13/6/2017 Cù Minh T và Nguyễn Bảo P đến quán cà phê của Nguyễn Duy K ở thị xã K, Long An hỏi mượn số tài khoản Ngân hàng của anh K, anh K đồng ý cho mượn.

Ngày 14/6/2017 Cù Minh T và Nguyễn Bảo P tiếp tục đến Campuchia rồi nhắn tin số tài khoản 070065434081 của T vào số điện thoại cho bà Lê Thị U và nhiều lần đe dọa, hối thúc chuyển tiền để chuộc T và thông báo từ số tiền 260.000.000 đồng lên

số tiền 280.000.000 đồng với lý do cộng thêm tiền lãi. Bà Lê Thị U giao cho anh Cù Văn A số tiền 200.000.000 đồng để chuyển khoản ngân hàng. Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 14/6/2017 anh Cù Văn A đến Ngân hàng Sacombank C thuộc khu phố 1, phường 5 chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của anh K rồi đến Công an thị xã C tố giác. Đến ngày 15/6/2017 Cù Minh T bị Công an thị xã C bắt khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 giấy nộp tiền do anh Cù Văn A nộp số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 070065434081 của Nguyễn Duy K vào ngày 14/6/2017 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) chi nhánh thị xã C có địa chỉ tại, phường 5, thị xã C;

Tiền Việt Nam 200.070.000 đồng (Hai trăm triệu không trăm bảy chục nghìn đồng) bao gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 70.000 đồng tiền lãi.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia model RM1172, vỏ màu trắng, bạc, đen (của bà Lê Thị U) bên trong thẻ nhớ có 12 đoạn ghi âm, ghi lại nội dung 11 cuộc điện thoại về việc thương lượng chuyển tiền để T được thả.

01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5, vỏ màu đen của anh Nguyễn Duy K; 01 thẻ Visa (ATM) của Ngân hàng Sacombank số 4221516566874608 số tài khoản 070065434081 của anh Nguyễn Duy K.

Đối với điện thoại di động hiệu Nokia model 1200 gắn thẻ sim số 0961788513, T khai ném bỏ ở Campuchia nhưng không nhớ vị trí ném nên không thu giữ được. Đối với điện thoại di động, gắn thẻ sim số 01634605744 T khai của Nguyễn Bảo P nhưng do P đã bỏ địa phương nên không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 31/KSĐT ngày 30/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Cù Minh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Cù Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng, không bổ sung gì thêm. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy trình bày luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cù Minh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135, điểm p, g khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, 74 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo 3 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm; vật chứng: trả cho bà Lê Thị U 01 điện thoại Nokia model RM1172; tiếp tục giữ 01 thẻ nhớ có 12 đoạn ghi âm, ghi lại nội dung 11 cuộc điện thoại về việc thương lượng chuyển tiền để T được thả để lưu vào hồ sơ vụ án;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo Cù Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền trả nợ, ngày 13 và 14 tháng 6 năm 2017 Cù Minh T và Nguyễn Bảo P đã có hành vi điện thoại đe dọa bà Lê Thị U (mẹ của T) đem tiền qua Campuchia chuộc bị cáo về, nếu không bị xử theo luật giang hồ, từ đó bà Lê Thị U lo sợ đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản để T chiếm đoạt. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Cù Minh T đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cáo trạng số 31/KSĐT ngày 30/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Cù Minh T là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người và đúng tội.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình gây ra. Xét, trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa lấy được số tiền 200.000.000 đồng trong tài khoản của anh Nguyễn Duy K và bị hại Lê Thị U xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, g khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đồng thời, tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, sự phát triển về thể chất và tâm sinh lý chưa hoàn thiện, khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình đã thực hiện còn hạn chế, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội cũng như những tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi quyết định hình phạt đối với bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét, bị cáo Cù Minh T có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể và rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù.

Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã trao trả cho bà Lê Thị U số tiền 200.070.000 đồng Việt Nam (Hai trăm triệu không trăm bảy chục nghìn đồng) bao gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 70.000 đồng tiền lãi; trao trả cho anh Nguyễn Duy K 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 5 vỏ màu đen và 01 thẻ Visa (ATM) của Ngân hàng Sacombank số 4221516566874608 số tài khoản 070065434081 theo Quyết định xử lý vật chứng số 35 ngày 25/7/2017 và biên bản về việc trả lại tài sản ngày 27/7/2017, ngày 28/7/2017, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia model RM1172, vỏ màu trắng, bạc, đen (của bà Lê Thị U) bên trong thẻ nhớ có 12 đoạn ghi âm, ghi lại nội dung 11 cuộc điện thoại về việc thương lượng chuyển tiền để T được thả: Tại phiên tòa, bà Lê Thị U xin nhận lại điện thoại di động Nokia model RM1172, nên HĐXX trả lại cho bà Lê

Thị U, riêng 01 thẻ nhớ có 12 đoạn ghi âm ghi lại nội dung 11 cuộc gọi điện thoại về việc thương lượng chuyển tiền để T được thả thì bà Lê Thị U không yêu cầu nhận lại. Xét thấy, thẻ nhớ này là vật chứng quan trọng của vụ án nên cần tiếp tục tạm giữ để lưu vào hồ sơ vụ án.

Người bào chữa của bị cáo có nhiều lập luận cho rằng: thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đối với bị cáo, nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 3 năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Cù Minh T phải nộp 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Bảo P đã bỏ địa phương đi không rõ lý do chưa làm việc được, Cơ quan điều tra Công an thị xã C sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Cù Minh T** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135, điểm p, g khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Cù Minh T 03 (ba)** năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả cho bà Lê Thị U 01 điện thoại di động hiệu Nokia model RM1172, vỏ màu trắng, bạc, đen;

Tiếp tục tạm giữ 01 thẻ nhớ có 12 đoạn ghi âm, ghi lại nội dung 11 cuộc điện thoại về việc thương lượng chuyển tiền để T được thả để lưu vào hồ sơ vụ án.

3. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cù Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày y tuyên án, bị cáo Cù Minh T, người bào chữa cho bị cáo; người bị hại Lê Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cù Văn A, Nguyễn Duy K được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo trình tự thủ tục xét xử phúc thẩm.

Đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Cù Văn Bé T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Công V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- Cơ quan THADS thị xã C;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm